

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **876/2017/HNGĐ-ST**
Ngày: 30-8-2017
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Hồ Lê Hưng

2/ Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 471/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2017, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 242/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Yến T, sinh năm 1982; HKTT: thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam; Ngụ tại: đường N, phường T, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Quốc M, sinh năm 1982; HKTT: thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam; Ngụ tại: đường P, phường P, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/5/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị Yến T trình bày:

Bà và ông Huỳnh Quốc M tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyển số 01/2011 ngày 11/02/2011.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà T trình bày là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh nhau. Bên cạnh đó, ông M không tôn trọng vợ, có những lời lẽ xúc phạm vợ, cũng như gia đình vợ. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt nên vợ chồng bà ly thân từ tháng 01/2017 cho đến nay, mỗi người ở một nơi, mạnh ai nấy sống, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông M.

Về con chung: Bà T khai nhận vợ chồng có một con chung là Huỳnh Nguyễn Nhã Yến, sinh ngày 26/8/2011. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T yêu cầu vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T khai nhận vợ chồng không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Quốc M trình bày:

Về hoàn cảnh kết hôn và điều kiện kết hôn đúng như lời bà T trình bày. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, bà T không tôn trọng ông, tính tình ngang ngược, tự ý làm mọi việc mà không hỏi ý kiến chồng nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh đập, xúc phạm lẫn nhau. Tuy nhiên, ông chưa muốn ly hôn và cần thêm thời gian để vợ chồng suy nghĩ thêm. Bên cạnh đó, hiện nay con còn nhỏ, ông không muốn con thiếu thốn tình cảm của cha hoặc mẹ nên ông không đồng ý ly hôn. Ông xác nhận vợ chồng ông đã ly thân từ tháng 01/2017 cho đến nay, mỗi người ở một nơi, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Về con chung: Ông M khai nhận vợ chồng có một con chung là Huỳnh Nguyễn Nhã Yến, sinh ngày 26/8/2011. Khi ly hôn, ông M yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông M yêu cầu vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông M khai nhận vợ chồng không có nợ chung.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu trên.
- Bị đơn: Vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu trên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú nhận xét quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ xét xử, thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà T, về quan hệ hôn nhân bà T được ly hôn với ông M. Giao con chung Huỳnh Nguyễn Nhã Yên, sinh ngày 26/8/2011 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông M không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, sau khi nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyền số 01/2011 ngày 11/02/2011 do Ủy ban nhân dân xã Bình Minh, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam cấp thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Yên T và ông Huỳnh Quốc M là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay bà T yêu cầu ly hôn, ông M hiện đang cư ngụ tại quận Tân Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quận Tân Phú theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2/ Về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Xét việc bà Nguyễn Thị Yên T yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Quốc M:

Căn cứ lời khai của bà T và ông M xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông M là có thật. Cuộc sống vợ chồng có xảy ra những mâu thuẫn, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ, không có sự tôn trọng lẫn nhau và thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, tại phiên tòa hai bên đều khai nhận vợ chồng từ tháng 01/2017 cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do đó hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng của hai bên đã không còn.

Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông M nhiều lần vắng mặt thể hiện ông M không thiết tha trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, bà T cho rằng hiện nay không còn tình cảm với ông M, không muốn tiếp tục chung sống với ông M nữa. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà T ông M đã thực sự trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Bà T yêu cầu ly hôn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

Về con chung:

Bà T, ông M cùng yêu cầu được nuôi con chung là Huỳnh Nguyễn Nhã Yến, sinh ngày 26/8/2011:

Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho ai nuôi là phải dựa vào quyền lợi của trẻ. Từ khi vợ chồng bà T ông M ly thân là tháng 01/2017 cho đến nay thì cháu Yến sống chung với bà T, trực tiếp do bà T chăm sóc, nuôi dưỡng. Hơn nữa, cháu Yến là bé gái nên việc giao cháu Yến cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng sẽ tốt hơn. Do đó, xét thấy việc bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu Huỳnh Nguyễn Nhã Yến là hoàn toàn phù hợp với lợi ích của cháu và phù hợp với qui định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà T.

Về cấp dưỡng nuôi con:

- Hội đồng xét xử ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Do đó, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông M.

Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Bà T và ông M yêu cầu vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T và ông M khai nhận vợ chồng không có nợ chung.

Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Yến T chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Yến T:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Yến T được ly hôn với ông Huỳnh Quốc M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyển số 01/2011 ngày 11/02/2011 do Ủy ban nhân dân xã Bình Minh, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam cấp cho bà Nguyễn Thị Yến T và ông Huỳnh Quốc M hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung là cháu Huỳnh Nguyễn Nhã Yến, sinh ngày 26/8/2011 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông M do bà T không yêu cầu.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Ông M được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về quan hệ tài sản:

+ Về tài sản chung: Hai bên yêu cầu vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Hai bên khai nhận vợ chồng không có nợ chung.

2/ Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Yên T chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009210 ngày 25/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Tân Phú;
- Chi cục THADS Q.TânPhú;
- TAND TP.HCM;
- UBND xã B, huyện T,
tỉnh Quảng Nam;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Lê Thị Tuyết Trinh